

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-3-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hạnh

2. Bà Hà Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thuý An, Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Ông Trần Hùng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 và Thông báo về việc mở phiên tòa số 151/TB-TA ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 52/23/182 T, phường T, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 14D/25/152 C, phường D, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đào Nam H; địa chỉ: Số 52/23/182 T, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn; bản tự khai; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa, nguyên đơn (bà Nguyễn Thị N) trình bày: Tôi cùng ông Đào Nam H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã K nay là quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 16/6/1989.

Trong thời gian chung sống, thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được 05 năm. Vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn từ khi hai con còn nhỏ, cho đến tận bây giờ. Nguyên nhân chủ yếu do vấn đề kinh tế và do hai bên không cùng chung quan điểm trong mọi mặt của cuộc sống, thường xuyên có bất hoà, tranh cãi. Ông H thường xuyên căng thẳng, coi thường tôi khi gia đình cần chi tiêu về kinh tế, thỉnh thoảng ông H còn đánh đập, chửi rủa tôi và thường xuyên đi đêm về hôm rượu chè cùng bạn bè. Năm 2005 do mâu thuẫn vợ chồng ông H đã viết cam đoan sửa chữa các khuyết điểm nhưng sau đó vẫn không thay đổi. Năm 2009 tôi cũng đã làm đơn xin ly hôn với ông H và đã được Toà án hoà giải đoàn tụ vào năm 2009, lúc đó tôi nghĩ vì gia đình và các con nên đã rút đơn xin ly hôn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng mọi việc vẫn không thay đổi. Tôi đã cố gắng chịu đựng chung sống từ đó đến nay nhưng do mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng và căng thẳng, đến khoảng tháng 9/2022 tôi đã dọn ra ngoài ở và chúng tôi đã sống ly thân không còn quan hệ gì với nhau về mọi mặt. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, nay đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông H.

Về con chung: Tôi và ông H có 02 con chung là Đào Thuý H, sinh ngày 19/4/1986 và Đào Thị Thu A, sinh ngày 10/9/1991, nay ly hôn các con chúng tôi đều đã trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung hay công nợ: Tôi và ông H đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các buổi làm việc ngày 25/11/2022, biên bản làm việc ngày 01/12/2022, biên bản làm việc ngày 16/12/2022, bị đơn (ông Đào Nam H) đều vắng mặt, có lần có lý do về sức khoẻ, có lần không có lý do.

Tại đơn Toà án nhận ngày 28/11/2022, ngày 02/12/2022, ngày 14/12/2022 của bị đơn (ông H) trình bày: Đã nhận được giấy triệu tập của Toà án nhưng vì lý do sức khoẻ nên tôi không thể đến được. Về quan hệ với bà N, ông H không đồng ý ly hôn vì nay đã 63 tuổi.

Tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/12/2022, ngày 09/01/2023 ông H có mặt và trình bày về việc bà Ng xin ly hôn ông, nhưng sau khi trình bày ông H không ký vào các biên bản làm việc và bỏ về.

Tại phiên tòa, bị đơn (ông Đào Nam H) vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản thu thập chứng cứ đại diện địa phương nơi bà N và ông H cư trú cho biết: Qua thời gian cư trú tại địa phương thấy hai bên có biểu hiện nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm và trong sinh hoạt hàng ngày. Do hai bên không báo cáo địa phương nên địa phương chưa có sự can thiệp, hoà giải; qua nắm bắt địa phương được biết thời gian gần đây do mâu thuẫn trầm trọng bà Ngân đã chuyển ra ngoài ở. Nay bà N có đơn xin ly hôn ông H, đại diện địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Nếu bà N và ông H ly hôn, hiện tại hai con chung đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, nên địa phương không có ý kiến gì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Địa phương không nắm được, nên không có ý kiến hay đề nghị gì.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng (chị Đào Thuý H, con chung của ông H, bà N); trình bày: Tôi là con gái của bà N và ông H. Trong quá trình chung sống, giữa ông H và bà N thường xuyên xảy ra xung đột, mâu thuẫn ngay từ khi tôi (H) còn bé. Nguyên nhân mâu thuẫn của bố mẹ về mọi mặt trong cuộc sống gia đình (trong sinh hoạt như đánh chửi nhau, tình cảm không hoà thuận, kinh tế, ...) gia đình hai bên và hàng xóm khuyên can nhiều lần không có kết quả. Hiện tại bà Ngân đã đi ở nơi khác khoảng mấy tháng nay do mâu thuẫn quá căng thẳng và trầm trọng; trong thời gian này bố tôi với bạn bè đã ăn uống hát hò tại nhà bố mẹ tôi ở. Là con nhưng tôi thấy tình cảm của bà N với ông H không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Tôi cũng đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho bà N được ly hôn ông H.

Về con chung: Bố mẹ tôi có 02 con chung là tôi (Đào Thuý H) và em tôi là Đào Thị Thu A; chúng tôi đều đã trưởng thành trên 18 tuổi và có gia đình riêng, nên tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì với Toà án.

Về tài sản chung: Tôi được biết bà N và ông H đã tự thoả thuận, giải quyết với nhau nên tôi có ý kiến hay đề nghị Toà án giải quyết.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ kiện đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc giao các văn bản cho các bên. Về phía nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Đào Nam H. Về con chung: Ông H và bà N có 02 con chung là Đào Thuý H, sinh ngày 19/04/1986 và Đào Thị Thu A, sinh ngày 10/9/1991 đều đã trên 18 tuổi, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Hai bên tự thoả thuận, giải quyết với nhau, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện xin ly hôn ông Đào Nam H, cả hai bên đều cư trú trên địa bàn quận Lê Chân; nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù trước đó đã được nhận, biết nội dung các văn bản của Tòa án giao theo đúng quy định pháp luật; qua đó cho thấy ông H đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình trước pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Đào Nam H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại bản tự khai, lời trình bày của các bên và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện hai bên đều thừa nhận quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm nay; do mâu thuẫn ông H năm 2002 đã viết cam đoan với bà Ngân sẽ sửa chữa khiếm khuyết trong cuộc sống vợ chồng. Đến năm 2009 do mâu thuẫn căng thẳng bà Ngân đã làm đơn xin ly hôn ông H nhưng sau đó bà Ngân đã rút đơn xin ly hôn để tạo cơ hội cho ông H khắc phục những mâu thuẫn giữa hai bên nhưng đến nay không có kết quả. Cả hai bên đều khẳng định mâu thuẫn từ năm 2022 và vợ chồng cũng đã sống ly thân nhau từ thời điểm này không còn quan hệ với nhau; đến tháng 9/2022 bà N đã dọn ra ngoài ở. Nay bà N xin được ly hôn ông H, ông H không đồng ý ly hôn với lý do đã 63 tuổi và ông cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thừa nhận của hai bên đã xảy ra mâu thuẫn từ nhiều năm nay và vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không quan hệ gì với nhau về tình cảm, kinh tế từ tháng 9/2022. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã báo ông H đến làm việc; nhiều lần ông H không đến, có lần đến sau khi trình bày không ký biên bản bỏ về, Tòa án đã mở phiên tòa và phiên tòa đã được mở lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông H không mong muốn vợ chồng hòa giải để về đoàn tụ; điều này đã thể hiện tình trạng mâu thuẫn của hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài thực tế bà N và ông H đã sống mỗi người một nơi (phù hợp với lời khai của người làm chứng và chính quyền địa phương cung cấp) không còn quan tâm trách nhiệm gì với nhau điều này cũng cho thấy mục đích hôn nhân của hai bên không đạt được; xét việc bà N xin ly hôn ông H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà N và ông H có 02 con chung là 02 con chung là Đào Thuý H, sinh ngày 19/04/1986 và Đào Thị Thu A, sinh ngày 10/9/1991 hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Hai bên trình bày đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nên không đề nghị giải quyết; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Đào Nam H.
2. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước. Số tiền này bà Ngân đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tiền số 0005390 ngày 02/11/2022.
3. Về quyền kháng cáo: Bà N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Lê Chân;
- THADS quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- UBND phường Nn, quận K, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Lộc